

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỆ THỦY
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 22/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 13/7/2018

"V/v Ly hôn, tranh

chấp về nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY- TỈNH QUẢNG BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Ngọc Thành

2. Ông Lê Quang Việt

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Châu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 13 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 38/2018/TLST-HNGĐ ngày 07/3/2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/6/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị L, địa chỉ: Đ2, thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Anh T, địa chỉ: T1, thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn ngày 07/3/2018, bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 28/3/2018 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị L đều trình bày: Chị và anh T trước đây yêu nhau và kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình vào ngày 26/5/2017. Sau kết hôn vợ, chồng chung sống với gia đình mẹ anh T. Tình cảm vợ chồng dần dần mất mát vì thiếu lòng tin ở nhau, nguyên nhân do chị có thai với anh T trước khi kết hôn, khi về sống chung với nhau lúc thì anh T nhận con mình lúc thì nghi ngờ không phải, dẫn đến thờ ơ, lạnh nhạt, sống thiếu quan tâm vợ, con nên chị đã xin về bên nhà bố mẹ của chị chơi và ở lại sinh con luôn từ đó, vợ chồng ly thân nhau kể từ tháng 8 năm 2017 cho đến nay, không ai còn quan tâm gì đến ai nữa, chị xác định tình cảm vợ chồng thực sự đã hết và yêu cầu được ly hôn anh T.

Tại phiên tòa, anh T vắng mặt nhưng qua bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 28/3/2018 anh trình bày: Về quá trình yêu nhau và kết hôn giống như chị L đã trình bày. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn gì lớn, chị L cho rằng anh thiếu

quan tâm vợ con là không đúng. Khi chị L đang mang thai tháng thứ 7, thì có xin anh lên nhà bố mẹ chơi, anh đã chở chị L lên nhà bố mẹ chị chơi, không ngờ chị ở lại trên nhà bố mẹ chị luôn không trở lại gia đình anh nữa. Sau khi chị L sinh, anh đã đến nhà bố mẹ chị L để thăm con nhưng bố mẹ chị L gây khó khăn nên anh sợ ảnh hưởng đến con cái và không dám đến thăm nữa. Vợ chồng ly thân nhau từ tháng 8 năm 2017 đến nay không còn quan hệ nhưng anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và xin được đoàn tụ để cùng nhau nuôi con.

Con chung: Chị L trình bày: Vợ, chồng có 01 con chung, Trần Lê Quốc B, sinh ngày 31/10/2017. Ly hôn chị L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con vì chị đủ khả năng và điều kiện nuôi con. Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 28/3/2018, anh T thừa nhận vợ chồng có một con chung như chị L trình bày và anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Từ phiên hòa giải thứ hai đến phiên hòa giải thứ ba, anh T cho rằng Trần Lê Quốc B không phải con của anh.

Tài sản chung: Chị L, anh T không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả hỏi và tranh luận tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Trần Anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập phiên tòa 2 lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân:

Hội đồng xét xử nhận thấy, chị Lê Thị L và anh Trần Anh T đăng ký kết hôn với nhau ngày 26/5/2017 tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình là hôn nhân hợp pháp. Vợ, chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc chỉ được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, anh T thiếu lòng tin ở vợ nên thiếu quan tâm, chăm sóc dẫn đến tình cảm dần dần phai nhạt, mỗi người sống mỗi đường không ai quan tâm gì đến ai nữa. Qua hòa giải lần đầu, anh T mong muốn được đoàn tụ, Tòa án cũng đã tạo điều kiện về mặt thời gian để anh T có cơ hội níu kéo vợ con đoàn tụ nhưng từ đó đến nay anh không có bất cứ động thái, biện pháp gì để vợ chồng cải thiện, hàn gắn, chứng tỏ việc vợ chồng có đoàn tụ được hay không anh cũng không tha thiết nữa. Chị L xác định tình cảm vợ chồng đã hết và yêu cầu được ly hôn.

Xét thấy, tình trạng vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L là phù hợp khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung:

Chị L trình bày vợ chồng có một con chung Trần Lê Quốc B, sinh ngày 31/10/2017. Từ phiên hòa giải ngày 02/5/2018 đến phiên hòa giải ngày 31/5/2018, anh T cho rằng Trần Lê Quốc B không phải con của anh. Tòa án đã yêu cầu anh T cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh Trần Lê Quốc B không phải con của mình nhưng từ

đó đến nay anh không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh. Mặt khác, tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 28/3/2018, anh T đều trình bày vợ chồng có một con chung Trần Lê Quốc B, sinh ngày 31/10/2017, anh yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con. Do đó, không có căn cứ chấp nhận sự phản đối yêu cầu của anh T được mà cần chấp nhận yêu cầu của chị L để giao con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, vì con dưới 36 tháng tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị L đủ khả năng, điều kiện nuôi con và không có yêu cầu là phù hợp với các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Tài sản chung: Chị L, anh T không có tài sản chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình: Xử cho chị Lê Thị L và anh Trần Anh T được ly hôn nhau.

2. Về con chung: Áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình: Xử giao cho chị Lê Thị L được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con Trần Lê Quốc B, sinh ngày 31/10/2017, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị L đủ khả năng, điều kiện nuôi con và không yêu cầu. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai số: 0001712 ngày 07/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy. Chị L đã nộp đủ án phí.

Chị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 13/7/2018, anh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND h. Lệ Thủy;
- Tòa án tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS Lệ Thủy;
- UBND xã T(để biết);
- Lưu: HS;VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trương Thị Nhàn